

QUYẾT ĐỊNH
CÔNGNHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chấn

2. Bà Nguyễn Thị Hoan

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 414/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nội, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hồ Thị Q, sinh năm 1991

Địa chỉ: Phố M, thị trấn E, huyện E, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Giao cho chị Hồ Thị Q sở hữu 01 ngôi nhà ở cấp 4, diện tích 59.5m², lợp ngói bờ lôximăng, trần lát tôn; 01 nhà bếp loại C diện tích 13.31m²; 01 nhà tắm diện tích 11.47m²; 01 chuồng lợn diện tích 28.12m² lợp ngói bờ lôximăng đã dột nát, không còn giá trị sử dụng; 01 sânximăng diện tích 75m², dày 10cm; tường vảnh lao

nối liền với hai bên trụ cổng vào sân xây bằng kây, bên ngoài trát vôi có chiều dài 5.3m, chiều cao 1.5m, phía trên có rào sắt cao 0.6m, dài 5.3m; 02 cổng sắt có tổng chiều rộng 2.2m, cao 2.3m; 02 trụ cổng cao 2.5m, dài 0.45m, rộng 0.35m; 01 giếng khoan khoan sâu 32m; 01 lưới mắt cáo bằng sắt, diện tích 14,4m²; 01 cây hồng xiêm đường kính gốc 7cm-8cm; 05 cây hồng xiêm đường kính gốc 4cm-5cm; 11 cây bưởi đường kính gốc 11cm-13cm; 04 cây cam đường kính gốc 3cm-5cm; 01 cây mít đường kính gốc 11cm-13cm; 01 cây chanh đường kính gốc 4cm-5cm; 01 cây nhãn đường kính gốc 3cm-4cm; 01 cây ổi đường kính gốc 4cm-5cm; cùng toàn bộ các tài sản, cây cối, hoa màu khác trên thửa đất có diện tích 323m² đất ở, tại thôn Đ, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số seri Q:737322, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00839.QSĐĐ/QĐSỐ5QĐ/UB(H) ngày 05/01/2001 mang tên chị Hồ Thị Q.

2.2. Chị Hồ Thị Q phải trả cho bà Nguyễn Thị N44.606.500 đồng (bốn mươi bốn triệu sáu trăm linh sáu nghìn năm trăm đồng), trả cho ông Nguyễn Văn X 44.606.500 đồng (bốn mươi bốn triệu sáu trăm linh sáu nghìn năm trăm đồng).

2.3. Giao cho bà Nguyễn Thị N sở hữu 01 điều hòa nhãn hiệu Samsung Electronic công suất 9000 Btu; 01 máy giặt nhãn hiệu Panasonic cửa đứng 8,5kg; 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu Picwenta thể tích 20 lit; 01 Tivi nhãn hiệu Asanzo 32 in model 43AS560 số máy AS560290619 AA1082; 01 năng lượng mặt trời Thái Dương Năng; 02 quạt cây Vinawind, quạt cánh 450; 02 giường ngủ gỗ keo, đều có chiều dài 2.1m, chiều rộng 1.55m.

2.4. Bà Nguyễn Thị N phải trích trả ông Nguyễn Văn X số tiền là 5.800.000 đồng (năm triệu tám trăm nghìn đồng).

2.5. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn X mỗi người phải chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Trừ số tiền 6.000.000 đồng tạm ứng bà N đã nộp, buộc ông Nguyễn Văn X phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

2.6. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 2.520.300 đồng (hai triệu năm trăm hai mươi nghìn ba trăm đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào số tiền 1.850.000 đồng tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0013445 ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Bà Nguyễn Thị N còn phải nộp 670.300 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn X phải chịu 2.520.300 đồng (hai triệu năm trăm hai mươi nghìn ba trăm đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

2.7. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong,

tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã L;
- Lưu hồ sơ, v/p.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân